

Số: /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án “Phát triển tỉnh Nghệ An trở thành Trung tâm Logistics vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn 2045”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 162/NQ/CP ngày 04/10/2023 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 15/11/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 1022 KH/UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 162/NQ/CP ngày 04/10/2023 của Chính phủ, Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 15/11/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 16/7/2024 của UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ xây dựng Đề án phát triển tỉnh Nghệ An trở thành Trung tâm logistics vùng Bắc Trung Bộ;

Thực hiện Thông báo số 278-TB/TU ngày 09/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Văn bản số 1858-CV/ĐU ngày 09/4/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh; theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Văn bản số 1369/SCT-QLTM ngày 17/4/2026 về việc phê duyệt Đề án Phát triển tỉnh Nghệ An trở thành Trung tâm Logistics vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Phát triển tỉnh Nghệ An trở thành Trung tâm Logistics vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn 2045”, với các nội dung chủ yếu như sau: .

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển dịch vụ logistics trở thành ngành kinh tế quan trọng, có giá trị gia tăng cao, đóng vai trò hỗ trợ, kết nối và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong phát triển thương mại và xuất nhập khẩu, phân phối hàng hóa, dịch vụ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Coi dịch vụ logistics là yếu tố động lực, dịch vụ thiết yếu thúc đẩy liên kết giữa tỉnh Nghệ An với các vùng kinh tế, khu vực và quốc tế, mang lại hiệu quả, bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường.

- Phát triển dịch vụ logistics trên cơ sở ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng thương mại và hạ tầng công nghệ phục vụ hoạt động logistics một cách đồng bộ, hiện đại; đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics cho thương mại điện tử và dịch vụ logistics xanh.

- Phát triển dịch vụ logistics trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của tỉnh Nghệ An và khu vực, đặc biệt là tiềm năng kinh tế biển.

- Đa dạng các loại hình dịch vụ trong chuỗi logistics nhằm nâng cao giá trị và khối lượng hàng hóa dựa trên cơ sở xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung:

- Từng bước phát triển dịch vụ logistics Nghệ An theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; đảm bảo chất lượng và hiệu quả, đóng góp tích cực vào tăng trưởng GRDP, thu ngân sách, đồng thời hỗ trợ các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ khác của tỉnh phát triển.

- Tập trung phát triển các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics về số lượng, quy mô, trình độ nhân lực, có năng lực cạnh tranh cao. Từng bước hình thành các doanh nghiệp dịch vụ logistics đầu tàu, có đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, đồng thời hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp dịch vụ logistics theo phương châm hiện đại, chuyên nghiệp.

- Xây dựng Nghệ An (trọng tâm là Khu kinh tế Đông Nam - Cụm cảng Cửa Lò - Đông Hồi - mạng lưới vệ tinh & cửa khẩu) trở thành Trung tâm Logistics Bắc Trung Bộ, đóng vai trò:

+ Cửa ngõ xuất nhập khẩu của vùng với thị trường quốc tế.

+ Trung tâm gom - phân phối hàng hóa cho 4 - 5 tỉnh Bắc Trung Bộ và hành lang Lào - Đông Bắc Thái Lan.

+ Hạt nhân của mạng lưới logistics đa phương thức (Đường biển - đường bộ - đường sắt - hàng không - cửa khẩu).

2.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2026 – 2030:

- Phân đầu đưa ngành dịch vụ logistics của tỉnh phát triển thành ngành dịch vụ có trình độ khá của khu vực Bắc Trung bộ và của cả nước.

- Tỷ lệ hàng qua Cảng Cửa Lò và Đông Hồi được xử lý qua các trung tâm logistics đạt từ 60 - 70%.

- Hạ tầng logistics hoàn thiện đạt trên 80%.

- Giảm 15 - 20% chi phí logistics nội tỉnh so với hiện trạng.

- Hình thành ít nhất 01 Trung tâm Logistics hạng II cấp vùng tại Khu kinh tế Đông Nam, 05 - 06 Trung tâm Logistics cấp tỉnh đóng vai trò tại các khu vực vệ tinh (Khu công nghiệp VSIP, Đông Hồi, Nghĩa Đàn và các cửa khẩu Nậm Cắn, Thanh Thủy, Thông Thụ).

- Tỷ lệ số hóa (tỷ lệ chuyển đổi số áp dụng phần mềm và công nghệ AI cho tất cả các hoạt động logistics) - quản lý bằng hệ thống TMS/WMS, e-DO, e-customs tại các Trung tâm logistics, cảng cạn, điểm thông quan nội địa của tỉnh đạt từ 80% trở lên.

b) Tầm nhìn đến năm 2045:

- Hạ tầng logistics hoàn thiện 100%.

- Giảm tối thiểu 25% chi phí logistics nội tỉnh so với hiện trạng.

- Tỷ lệ logistics thuê ngoài đạt từ 70% trở lên.

- Tỷ lệ số hóa (tỷ lệ chuyển đổi số áp dụng phần mềm và công nghệ AI cho tất cả các hoạt động logistics) - quản lý bằng hệ thống TMS/WMS, e-DO, e-customs tại các Trung tâm logistics, cảng cạn, điểm thông quan nội địa đạt 100%.

- Phát triển dịch vụ logistics trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Nghệ An, Trung tâm logistics Nghệ An trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng quốc gia và quốc tế. Mở rộng hệ thống logistics, phát triển đồng bộ với hạ tầng giao thông.

II. PHẠM VI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Phạm vi không gian: Trên địa bàn tỉnh Nghệ An, có xét đến mối liên kết với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và kết nối quốc tế.

2. Phạm vi thời gian: Giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Danh mục các Trung tâm logistics, cảng cạn trên địa bàn tỉnh Nghệ An kêu gọi đầu tư (chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm).

2. Các nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai (chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm).

3. Danh mục các Dự án cần ưu tiên đầu tư (chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm).

4. Giải pháp thực hiện

4.1. Rà soát công tác quy hoạch; hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông và kết nối đa phương thức:

- Rà soát, bổ sung quy hoạch các trung tâm logistics vào Quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển hạ tầng đường bộ kết nối Cảng biển - Cảng cạn - Khu kinh tế:

- + Mở rộng tuyến đường ven biển 6 - 8 làn làm trục chính vận tải container.

- + Tuyến kết nối Cụm cảng Cửa Lò – Khu kinh tế Đông Nam (đi qua khu vực Nghi Lộc & Hưng Nguyên) thành “Hành lang Logistics”.

- + Hình thành các tuyến đường gom cho xe tải nặng, tránh đô thị.

- Phát triển ga hàng hóa đường sắt tại Khu kinh tế Đông Nam:

- + Xây dựng ga hàng hóa kết nối tuyến đường sắt Bắc - Nam.

- + Chức năng: Cảng cạn đường sắt, vận chuyển container lạnh - hàng rời.

- + Đề xuất đưa vào Quy hoạch đường sắt đến năm 2030 (mở rộng ga Quán Hành hoặc xây ga mới gần khu vực các khu công nghiệp VSIP, WHA.

- Mở tuyến Feeder cố định Cửa Lò - Hải Phòng - Cái Mép:

- + Cam kết sản lượng tối thiểu từ các doanh nghiệp trong Khu kinh tế và các khu công nghiệp (VSIP, WHA, Hoàng Mai 1, 2...) để duy trì tuyến cố định.

- + Áp dụng chính sách giảm phí hạ tầng cảng, kéo theo giảm chi phí quay đầu vận tải từ 10 - 15%.

4.2. Giải pháp phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp logistics:

- Thu hút nhà đầu tư chiến lược:

- + Tổ chức các đoàn nghiên cứu ra nước ngoài và mời các đoàn doanh nghiệp nước ngoài hợp tác với tỉnh Nghệ An về đầu tư phát triển dịch vụ logistics.

- + Mời gọi các hãng tàu lớn tham gia vào hoạt động logistics tại Nghệ An.

- + Tạo “Cụm liên kết trung tâm Logistics” vùng Bắc Trung Bộ.

- Hình thành Trung tâm phân phối vùng cho bán lẻ & thương mại điện tử.

- Phát triển logistics nông sản & chuỗi cung ứng lạnh:

- + Trung tâm sơ chế - đóng gói - bảo quản phục vụ khu vực Nghĩa Đàn - Quỳnh Lưu - Tân Kỳ.

+ Kết nối lạnh từ vùng nguyên liệu, từ các vùng xung quanh đến Cửa Lò.

4.3. Giải pháp giảm chi phí logistics - tối ưu dòng hàng:

- Tăng tỷ lệ container hóa:

+ Hỗ trợ phí đóng container tại Trung tâm logistics, cảng cạn.

+ Xây dựng dịch vụ CFS chuyên gom hàng nông sản và hàng tiêu dùng.

- Thiết lập luồng gom hàng cố định về Cảng Cửa Lò – Khu kinh tế Đông Nam.

+ Gom theo tuyến đường thuộc khu vực Tây Bắc Nghệ An - Cửa Lò; khu vực Quỳnh Lưu - Cửa Lò; Khu công nghiệp VSIP – Khu công nghiệp WHA - Cửa Lò.

+ Mục tiêu nâng hệ số sử dụng trọng tải lên 70 - 85%.

- Tối ưu mạng lưới vận tải và giảm tắc nghẽn:

+ Quy hoạch bãi tập kết phương tiện gần trung tâm logistics, Cảng cạn/ICD, cảng biển để tránh ùn tắc.

+ Áp dụng cơ chế đặt lịch bến bãi.

- Xây dựng mạng lưới vệ tinh: Kho gom hàng, kho lạnh nhỏ, điểm tập kết container.

- Phát triển và nhân rộng mô hình “Quay đầu Container” nhằm giảm chi phí 15 - 25% so với chạy rỗng.

4.4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực ngành logistics, hình thành trung tâm đào tạo:

- Liên kết với các trường đại học trong tỉnh:

+ Đào tạo nghề: vận hành thiết bị, lái xe container, hải quan, kho lạnh.

+ Đào tạo cao cấp: quản trị logistics, logistics thương mại điện tử.

- Trung tâm mô phỏng Logistics: Mô phỏng dòng container, vận tải đa phương thức - hỗ trợ đào tạo & quy hoạch.

4.5. Giải pháp về cơ chế, chính sách và cơ chế điều phối:

Rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển dịch vụ Logistics:

- Hỗ trợ, giảm chi phí thuê đất cho các doanh nghiệp đầu tư kho lạnh, trung tâm phân phối, cảng cạn/ICD.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng; hỗ trợ cước vận chuyển; ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số; phát triển logistics xanh,...

- Ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư vận tải container lạnh, kho lạnh:

+ Miễn/giảm thuế nhập khẩu thiết bị bốc xếp, hệ thống lưu trữ và truy xuất hàng hóa tự động, thiết bị chuỗi lạnh.

- + Hỗ trợ lãi suất cho đầu tư kho lạnh.
- Cho phép thành lập địa điểm kiểm tra hải quan trong Trung tâm Logistics.
- Cơ chế PPP phát triển hạ tầng logistics đối với nhóm Cảng cạn/ICD, kho lạnh, trung tâm kiểm dịch.

4.6. Tăng cường chuyển đổi số trong logistics:

- Xây dựng “Nền tảng dữ liệu logistics tỉnh Nghệ An”:
- + Dữ liệu container, đặt chỗ vận tải, lượt/khung giờ vào bến bãi, lập lịch xe tải được chia sẻ theo thời gian thực.
- + Tích hợp: Lệnh giao hàng điện tử, bản khai hàng điện tử, Hải quan điện tử, Hệ thống quản lý vận tải các doanh nghiệp 3PL.
- Ứng dụng công nghệ tự động hóa tại Trung tâm logistics, Cảng cạn/ICD:
- + Thiết bị bán tự động.
- + Nhận dạng ký tự quang học tại cổng vào/ra.
- + Bãi container quản lý bằng AI camera.
- + Xe tự hành dẫn hướng tự động tại khu trung chuyển hàng không lưu kho.
- Trung tâm điều phối phương tiện chung:
- + Mục tiêu giảm xe chạy rỗng chiều về của xe tải từ 25 - 40%.
- + Xây dựng “Ứng dụng kết nối hàng hóa - phương tiện vận tải” kết nối doanh nghiệp vận tải với kho - Cảng cạn/ICD - cảng biển.

4.7. Thu hút hàng hóa:

- Ưu tiên thiết lập tuyến feeder ven biển định kỳ tại Cụm cảng Cửa Lò; đồng thời cảng, doanh nghiệp logistics và chủ hàng phối hợp xây dựng cơ chế cam kết sản lượng hàng hóa.
 - Đơn giản hoá thủ tục hành chính, tích hợp CIQ - Hải quan và các thủ tục liên quan nhằm rút ngắn thời gian và tăng tính dự báo.
 - Áp dụng cơ chế ưu đãi và gói phí theo sản lượng nhằm thúc đẩy chuyển dịch hàng hóa.
 - Thành lập các tuyến gom hàng cố định bảo đảm tần suất và độ tin cậy.
 - Cần áp dụng hệ thống đặt lịch, chứng từ điện tử, theo dõi hàng hóa,... để giảm thời gian chờ và nâng cao trải nghiệm người sử dụng.
 - Tăng cường phối hợp giữa các cảng, khu công nghiệp và doanh nghiệp logistics để triển khai các mô hình thí điểm và nhân rộng.
- #### 4.8. Hợp tác vùng và thu hút đầu tư quốc tế (FDI):
- Tổ chức “Diễn đàn Đầu tư & Logistics Nghệ An” hằng năm.

- Ký kết hợp tác logistics với các tỉnh Bắc Trung Bộ, Lào, Thái Lan.
- Thu hút tập đoàn logistics quốc tế làm “nhà đầu tư neo”.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí triển khai thực hiện Đề án dự kiến khoảng 25.400 tỷ đồng; trong đó, vốn ngân sách nhà nước khoảng 4.700 tỷ đồng (chiếm khoảng 20%) và vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trên cơ sở dự kiến kinh phí thực hiện (kèm theo phụ lục nhiệm vụ trọng tâm và danh mục dự án ưu tiên đầu tư), theo khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh, các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện nhiệm vụ cụ thể trong Đề án này có trách nhiệm tham mưu kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh về tính hợp pháp, chính xác của các thông tin, số liệu, đề xuất, thẩm định, tham mưu tại văn bản và hồ sơ Đề án nêu trên.

- Chủ trì tổ chức công bố Đề án “Phát triển tỉnh Nghệ An trở thành Trung tâm Logistics vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn 2045”. Phối hợp với Sở Tài chính, cơ quan liên quan rà soát, tích hợp phương án phát triển các trung tâm logistics trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Đề án này; trong quá trình thực hiện, cần xác định rõ thứ tự ưu tiên, không đầu tư dàn trải; lựa chọn nhà đầu tư dự án trung tâm logistics có năng lực, đáp ứng điều kiện theo quy định, bảo đảm triển khai đúng tiến độ, hiệu quả, không để xảy ra tình trạng chiếm giữ đất, đầu tư, chậm đưa dự án vào thực hiện. Định kỳ hằng năm trước ngày 30 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 đánh giá tình hình thực hiện Đề án, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc để kịp thời tham mưu, báo cáo UBND tỉnh theo đúng quy định, đặc biệt là việc phát triển trung tâm logistics, cơ sở hạ tầng logistics gắn với thương mại điện tử.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trong việc đề xuất các giải pháp nâng cao dịch vụ cung ứng.

- Tham mưu UBND tỉnh rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư về phát triển dịch vụ logistics và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách để khuyến khích đầu tư phát triển dịch vụ logistics do Trung ương ban hành.

2. Sở Xây dựng

- Phối hợp với Sở Công Thương công bố Đề án “Phát triển tỉnh Nghệ An trở

thành Trung tâm Logistics vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn 2045”.

- Tập trung triển khai các dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên các tuyến kết nối đến cảng biển, trung tâm logistics. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực vận tải, đặc biệt là vận tải đa phương thức.

- Tham mưu UBND tỉnh làm đầu mối phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng đảm bảo tiến độ đầu tư các công trình giao thông trọng điểm của Trung ương trên địa bàn tỉnh như: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam (bao gồm cả mở rộng các đoạn tuyến kết nối với các nút giao đường cao tốc), đường bộ ven biển,...

3. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam

- Chủ trì thực hiện các thủ tục về đầu tư đối với các dự án Trung tâm Logistic trong Khu kinh tế Đông Nam, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh các vướng mắc trong hoạt động dịch vụ logistics tại Khu kinh tế Đông Nam, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan, chủ hàng, ... đẩy mạnh việc đưa hàng container về vận chuyển qua Cụm cảng Cửa Lò.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, khâu nối, hỗ trợ nhà đầu tư kịp thời trong giải quyết nhanh chóng các hồ sơ, thủ tục liên quan, đáp ứng tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng nước sâu Cửa Lò đảm bảo tiến độ.

4. Sở Nông Nghiệp và Môi trường

- Rà soát, tham mưu điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, cơ cấu sản xuất nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh, đảm bảo gắn kết chặt chẽ với phát triển hạ tầng và dịch vụ logistics nông sản.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, bổ sung quy hoạch các Trung tâm dịch vụ Logistics nông sản (như kho lạnh, kho bảo quản, sơ chế, đóng gói) tại các vùng nguyên liệu và đầu mối giao thông. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển chuỗi cung ứng nông sản hiệu quả, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc để thuận lợi cho việc thông quan và xuất khẩu.

5. Sở Tài chính

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh xúc tiến, thu hút đầu tư các dự án phát triển dịch vụ logistics.

- Hướng dẫn, đôn đốc nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ lập, triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng dịch vụ logistics, cung cấp thông tin về các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

6. Sở Khoa học và công nghệ

Chủ trì nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào các khâu của chuỗi cung ứng logistics (công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, Big Data) nhằm tối ưu hóa hoạt động. Hỗ trợ doanh nghiệp logistics đổi mới công nghệ, xây dựng các

tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quốc tế áp dụng trong các hoạt động logistics. Tham mưu về giải pháp chuyển đổi số trong quản lý và vận hành logistics, đặc biệt là các trung tâm logistics.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ sở giáo dục, dạy nghề để thúc đẩy đào tạo nguồn nhân lực logistics chất lượng cao; tổ chức các chương trình đào tạo nghề ngắn hạn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về logistics cho người lao động. Tham mưu xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo chuyên ngành logistics và chuỗi cung ứng phù hợp với yêu cầu thực tiễn của tỉnh. Tăng cường hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp để gắn đào tạo với nhu cầu tuyển dụng thực tế.

8. Sở Nội vụ

Thực hiện các khảo sát, đánh giá nhu cầu nhân lực logistics của tỉnh theo từng giai đoạn, làm cơ sở định hướng đào tạo. Tham mưu chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và thu hút lao động có trình độ cao trong lĩnh vực logistics.

9. Chi cục Hải quan khu vực XI

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trên cơ sở áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, minh bạch, thuận tiện cho doanh nghiệp nhằm giảm chi phí, thời gian thông quan hàng hóa. Triển khai các biện pháp thu hút nguồn hàng, tạo thuận lợi cho chủ hàng đến thông quan tại các điểm kiểm tra tập trung, tạo lợi thế cho ngành dịch vụ logistics của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng công tác nghiệp vụ hải quan, kiểm soát thời gian tác nghiệp của cán bộ theo luật định. Phối hợp với các cơ quan có liên quan để cắt giảm tối đa thời gian thông quan.

10. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện thủ tục biên phòng từ cách thức thủ công sang cách thức điện tử thông qua ứng dụng công nghệ thông tin, làm cơ sở kết nối giữa Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử với Cổng thông tin một cửa Quốc gia.

- Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về biên giới, cửa khẩu, tạo điều kiện thuận lợi, nhanh chóng trong hoạt động xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu hàng hóa tại cửa khẩu biên giới, cảng biển; quản lý chặt chẽ hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới, cửa khẩu, cảng biển.

11. UBND các phường, xã

Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Đề án này bảo đảm thống nhất, đồng bộ và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch phát triển của các khu vực trên địa bàn. Tăng cường quản lý hệ thống kho, bãi đang hoạt động trên địa bàn, ... phục vụ phát triển logistics.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XI; Chủ tịch UBND các xã, phường; Các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTr TU, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CN (PP, T.Tr).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Thành Vinh

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC CÁC TRUNG TÂM LOGISTICS TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Trung tâm Logistics, cảng cạn	Vị trí	Phân loại	Quy mô (ha)		Chức năng	Ghi chú
				2026-2030	2030-2045		
1	Trung tâm logistics tại Khu kinh tế Đông Nam	Xã Trung Lộc/Hải Lộc, tỉnh Nghệ An	Trung tâm logistics hạng II cấp vùng	20	50~60	Container, hàng rời, kho ngoại quan, cảng biển	
2	Trung tâm logistics tại khu vực Khu công nghiệp VSIP Nghệ An	Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	Trung tâm logistics cấp tỉnh	10-20	30	Kết hợp cảng cạn, hàng hóa nội địa, dịch vụ hỗ trợ khu công nghiệp	
3	Trung tâm logistics tại khu vực Khu công nghiệp Đông Hội - Hoàng Mai	Phường Tân Mai, tỉnh Nghệ An	Trung tâm logistics cấp tỉnh	30-40	50	Hàng rời, năng lượng, vật liệu xây dựng, cảng biển	
4	Trung tâm logistics tại khu vực Khu công nghiệp Nghĩa Đàn	Xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	Trung tâm logistics cấp tỉnh	10-20	30	Kho lạnh, nông sản, thủy sản	
5	Trung tâm logistics tại khu vực cửa khẩu Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An	Trung tâm logistics cấp tỉnh	5-10	20	Trung chuyển hàng Lào-Việt Nam	
6	Trung tâm logistics tại khu vực cửa khẩu Thanh Thủy	Xã Kim Bảng, tỉnh Nghệ An	Cảng cạn	5-10	20	Kết hợp cảng cạn, trung chuyển hàng Lào-Việt Nam	
7	Trung tâm logistics tại khu vực cửa khẩu Thông Thụ	Xã Thông Thụ, tỉnh Nghệ An	Trung tâm logistics cấp tỉnh	5-10	20	Trung chuyển hàng Lào-Việt Nam	
8	Trung tâm logistics tại khu vực Khu công nghiệp Diễn Quỳnh	Xã Hùng Châu, tỉnh Nghệ An	Trung tâm logistics cấp tỉnh		20	Các dịch vụ hỗ trợ khu công nghiệp, hàng hóa nội địa	
9	Trung tâm logistics tại khu vực Khu công nghiệp Thọ Lộc	Xã Tân Châu, tỉnh Nghệ An	Trung tâm logistics cấp tỉnh		20	Các dịch vụ hỗ trợ khu công nghiệp, hàng hóa nội địa	
10	Trung tâm logistics tại	Xã Nghi Lộc, tỉnh	Trung tâm		20	Các dịch vụ hỗ trợ khu công	

STT	Trung tâm Logistics, cảng cạn	Vị trí	Phân loại	Quy mô (ha)		Chức năng	Ghi chú
				2026-2030	2030-2045		
	khu vực Quán Hành	Nghệ An	logistics cấp tỉnh			ngành, hàng hóa nội địa	
11	Trung tâm logistics tại khu vực KCN số 3,4,5	Xã Văn Kiều, tỉnh Nghệ An	Trung tâm logistics cấp tỉnh		20	Các dịch vụ hỗ trợ khu công ngành, hàng hóa nội địa	
12	Trung tâm logistics tại khu vực KCN số 9	Xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An	Trung tâm logistics cấp tỉnh		20	Các dịch vụ hỗ trợ KCN, hàng hóa nội địa	
	Tổng cộng			85~130	320~330		

Ghi chú: Vị trí, quy mô chi tiết các Trung tâm Logistics sẽ được xác định cụ thể trong các bước triển khai tiếp theo.

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Mục tiêu, nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Cơ chế về quy hoạch, quản lý và điều phối	- Thành lập Ban Chỉ đạo phát triển Trung tâm Logistics Bắc Trung Bộ tại Nghệ An. - Kế hoạch/Chương trình hành động của UBND tỉnh về phát triển logistics đến 2030. - Đồng bộ hóa các quy hoạch	Sở Công Thương, Sở Xây dựng	Các sở, ban ngành, cơ quan liên quan	2026-2030
2	Cơ chế về đất đai, hạ tầng và đầu tư	- Chính sách ưu đãi đất đai cho dự án logistics trọng điểm - Ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng kết nối - Khuyến khích đầu tư hạ tầng kho lạnh, cold chain, thiết bị xếp dỡ hiện đại	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	Các sở, ban ngành, cơ quan liên quan	2026-2030
3	Rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh	- Chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng; hỗ trợ cước vận chuyển; ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số; phát triển logistics xanh... - Hình thành Quỹ hỗ trợ phát triển dịch vụ Logistics tỉnh (nếu điều kiện cho phép)	Sở Công Thương; các sở ngành liên quan	Các sở, ban ngành, cơ quan liên quan	2026-2030
4	Cơ chế về thủ tục hành chính, hải quan và cửa khẩu	- Cửa khẩu, Cảng cạn/ICD, cảng biển “một cửa” và số hóa - Thí điểm “Cửa khẩu xanh – luồng xanh logistics”	Chi Cục Hải quan khu vực XI	Các sở, ban ngành, cơ quan liên quan	2026-2030
5	Cơ chế về chuyển đổi số, dữ liệu và điều phối mạng lưới	- Xây dựng “Nền tảng dữ liệu logistics Nghệ An” - Xây dựng “Ứng dụng kết nối hàng hóa – phương tiện vận tải”	Sở Khoa học công nghệ	Các sở, ban ngành, cơ quan liên quan	2026-2030
6	Cơ chế phát triển nguồn nhân lực và hệ sinh thái	- Liên kết với các trường Đại học, Cao đẳng, viện nghiên cứu - Chính sách thu hút nhân lực logistics chất lượng cao - Phát triển cụm ngành và hiệp hội logistics Nghệ An/Bắc Trung Bộ	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và đào tạo	Các sở, ban ngành, cơ quan liên quan	2026-2030
7	Cơ chế thu hút hàng hóa	- Ưu tiên thiết lập tuyến feeder ven biển định kỳ tại Cụm cảng Cửa Lò; xây dựng cơ chế cam kết sản lượng hàng hóa - Thủ tục phải nhanh và đơn giản, tích hợp CIQ - Hải quan	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành, cơ quan liên quan	2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Mục tiêu, nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		và các thủ tục liên quan, áp dụng cơ chế ưu đãi và gói phí theo sản lượng nhằm thúc đẩy chuyển dịch hàng hóa. - Tỉnh đóng vai trò dẫn dắt, phối hợp cảng và doanh nghiệp logistics triển khai các mô hình thí điểm và nhân rộng.			
8	Cơ chế hợp tác vùng và thu hút đầu tư quốc tế	- Tổ chức “Diễn đàn Đầu tư & Logistics Nghệ An” hằng năm. - Ký kết thỏa thuận hợp tác logistics với các tỉnh Bắc Trung Bộ, Lào, Thái Lan. - Thu hút tập đoàn logistics quốc tế làm “nhà đầu tư neo”.	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành, cơ quan liên quan	2026-2030

PHỤ LỤC 03: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên dự án	Đơn vị	Quy mô	Dự kiến vốn (tỷ đồng)		Thời gian thực hiện
				NSNN	XHH	
I	Hạng mục trung tâm Logistics				5.400	
1	Trung tâm Logistics hạng II cấp vùng tại Khu kinh tế Đông Nam (Giai đoạn 1)	ha	20		1.500	2026-2030
2	Trung tâm Logistics cấp tỉnh tại khu vực Khu công nghiệp VSIP Nghệ An	ha	10~20		400	2026-2030
3	Trung tâm Logistics cấp tỉnh tại khu vực Khu công nghiệp Đông Hồi - Hoàng Mai	ha	30~40		700	2026-2030
4	Trung tâm Logistics cấp tỉnh tại khu vực Khu công nghiệp Nghĩa Đàn	ha	10~20		400	2026-2030
5	Trung tâm Logistics cấp tỉnh tại khu vực cửa khẩu Nậm Cắn	ha	5~10		300	2026-2030
6	Trung tâm Logistics cấp tỉnh tại khu vực cửa khẩu Thanh Thủy	ha	5~10		300	2026-2030
7	Trung tâm Logistics cấp tỉnh tại khu vực cửa khẩu Thông Thụ	ha	5~10		300	2026-2030
8	Trung tâm Logistics hạng II cấp vùng tại Khu kinh tế Đông Nam (Giai đoạn 2 mở rộng)	ha	30~40		1.500	2031-2045
II	Hạng mục Hạ tầng kỹ thuật, kết nối			4.700	15.300	
1	Cảng nước sâu Cửa Lò (Cảng container, hậu phương và đường dẫn)	ha			7.000	2026-2030
2	Luồng hàng hải, đê chắn sóng cảng nước sâu Cửa Lò	km		3.000 (PPP)		2026-2030
3	Nâng cấp, mở rộng luồng hàng hải, đê chắn sóng Cảng Cửa Lò	km	6,6	1.000 (NSTW)		2026-2030
4	Trung tâm điều hành Logistics số (Smart Logistics Center)			200		2026-2045
5	Cảng cạn/ICD Hưng Nguyên	ha	10~20		400	2026-2045
6	Dự án Cảng Đông Hồi (Cảng tổng hợp và kết nối)	ha	86		7.400	2026-2045
7	Ga hàng hóa Hưng Nguyên hoặc Nghi Phú (đường sắt)				500	2026-2045
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ven biển Nghệ An (đoạn qua Khu kinh tế Đông Nam)	Làn xe	6-8	500		2031-2045
	Tổng			4.700	20.700	
				25.400		

Ký hiệu:

- + NSNN: Nguồn vốn Ngân sách nhà nước.
- + NSTW: Nguồn vốn Ngân sách Trung ương.
- + XHH: Nguồn vốn Doanh nghiệp, tài trợ quốc tế, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.
- + PPP: Nguồn vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư.